

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 30/06/2017**

---

*Hải Phòng, tháng 08 năm 2017*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 25

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐOẠN XÁ

Số 15, Đường Ngô Quyền, Phường Vạn Mỹ, Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch	
Ông Trần Việt Hùng	Phó Chủ tịch	
Bà Mai Thị Yên Thế	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Đào	Thành viên	
Bà Nguyễn Thu Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/02/2017

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Mạnh Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/02/2017

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**TRẦN VIỆT HÙNG**

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 08 năm 2017

Số: 006/VACO/BCSX.HP

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2017, từ trang 03 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Lương Thị Thúy**  
Phó Giám đốc Chi nhánh  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1148-2013-156-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
**TẠI HẢI PHÒNG**  
Ngày 14 tháng 08 năm 2017  
Tp. Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>265.012.953.087</b>	<b>253.234.647.927</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>13.891.101.415</b>	<b>138.792.246.617</b>
1. Tiền	111		891.101.415	1.937.046.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	136.855.200.000
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>227.500.000.000</b>	<b>96.750.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	227.500.000.000	96.750.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.942.428.791</b>	<b>13.952.840.501</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.222.734.752	11.291.297.539
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		123.490.000	133.192.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.160.963.970	3.041.279.093
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(564.759.931)	(512.928.131)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>3.404.641.115</b>	<b>3.589.956.642</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.404.641.115	3.589.956.642
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>274.781.766</b>	<b>149.604.167</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		272.781.766	149.604.167
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	2.000.000	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>74.067.884.684</b>	<b>77.940.701.468</b>
<b>I Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.039.635.009</b>	<b>41.331.358.347</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	38.939.679.705	41.166.566.479
- Nguyên giá	222		282.917.381.489	281.396.231.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(243.977.701.784)	(240.229.664.534)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	99.955.304	164.791.868
- Nguyên giá	228		775.000.000	775.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(675.044.696)	(610.208.132)
<b>II Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>294.606.209</b>	<b>478.497.709</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		294.606.209	478.497.709
<b>III Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.584.573.920</b>	<b>30.584.573.920</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	30.584.573.920	30.584.573.920
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.149.069.546</b>	<b>5.546.271.492</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.149.069.546	5.546.271.492
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>339.080.837.771</b>	<b>331.175.349.395</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.982.745.003</b>	<b>20.333.551.069</b>
<b>L Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.982.745.003</b>	<b>20.333.551.069</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.262.802.544	4.208.859.997
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.535.965.729	1.195.036.332
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.041.927.886	4.338.194.654
4. Phải trả người lao động	314		1.905.621.149	7.731.509.865
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.709.206.724	81.172.086
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		403.590.026	687.707.190
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.123.630.945	2.091.070.945
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>321.098.092.768</b>	<b>310.841.798.326</b>
<b>L Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>321.098.092.768</b>	<b>310.841.798.326</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.246.560.000	236.246.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		236.246.560.000	236.246.560.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.352.660.454	1.352.660.454
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.961.584.893	23.627.148.260
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.537.287.421	49.615.429.612
- Lãi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.780.992.979	49.615.429.612
- Lãi kỳ này	421b		11.756.294.442	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>339.080.837.771</b>	<b>331.175.349.395</b>



Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2017

Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Hương  
Người lập


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2017	Từ ngày 01/01/2016
			đến ngày 30/06/2017	đến ngày 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		37.116.371.395	68.518.140.275
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	37.116.371.395	68.518.140.275
4. Giá vốn hàng bán	11	19	26.400.911.178	43.882.702.320
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		10.715.460.217	24.635.437.955
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	10.181.974.740	12.880.376.128
7. Chi phí tài chính	22		-	5.613.804
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	7.084.127.408	7.523.199.533
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 -22) - (26)}	30		13.813.307.549	29.987.000.746
10. Thu nhập khác	31		201.076.394	2.398.293
11. Chi phí khác	32		24.709.264	9.522.753
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		176.367.130	(7.124.460)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.989.674.679	29.979.876.286
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	2.233.380.237	4.575.077.451
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		11.756.294.442	25.404.798.835
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	498	1.075



  
Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2017

  
Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Thị Hương  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</b>	<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>13.989.674.679</b>	<b>29.979.876.286</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.592.723.338	7.338.341.911
Các khoản dự phòng	03	51.831.800	28.628.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	627.804
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.378.235.149)	(12.880.376.128)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>8.255.994.668</b>	<b>24.467.097.873</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(502.072.531)	11.133.412.503
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	185.315.527	(4.099.840.329)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.392.566.002)	(2.190.220.952)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.274.024.347	(2.185.514.170)
Tiền lãi vay đã trả	14		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.130.111.135)	(11.429.312.034)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(467.440.000)	(2.524.861.264)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>4.223.144.874</b>	<b>13.170.761.627</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.876.177.666)	(1.221.208.958)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	196.399.999	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(227.250.000.000)	(108.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	96.500.000.000	87.500.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.305.487.591	12.468.601.681
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(129.124.290.076)</b>	<b>(4.552.607.277)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.971.125)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(2.971.125)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(124.901.145.202)</b>	<b>8.615.183.225</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>138.792.246.617</b>	<b>144.989.983.612</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(627.804)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>13.891.101.415</b>	<b>153.604.539.033</b>




**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**


*(Theo phương pháp gián tiếp)*


Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND



  
Trần Việt Hùng  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2017

  
Mai Thị Yên Thế  
Kế toán trưởng

  
Hoàng Thị Hương  
Người lập

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá là Công ty Cổ phần được cổ phần hoá từ Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá theo quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 19/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Xếp dỡ Đoạn Xá thành Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000123 ngày 27/11/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, được cấp mã số doanh nghiệp là 0200443827. Giấy chứng nhận kinh doanh sửa đổi lần 7 ngày 13/08/2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là DXP.

Vốn Điều lệ tại ngày 30/06/2017 là: 236.246.560.000 đồng.

Công ty có 03 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải đa phương thức, được thành lập theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011;
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá - Xí nghiệp Dịch vụ Xếp dỡ và Giao nhận, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 22/9/2011.
- + Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá tại Hà Nội, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh ngày 17/10/2016.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 214 người (tại ngày 01/01/2017 là 250 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: bốc xếp hàng hoá; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hoá, dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ kiểm đếm hàng hoá, dịch vụ nâng cầu hàng hoá, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, môi giới thuê tàu biển; kho bãi và lưu giữ hàng hoá; vận tải hành khách ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; vận tải hàng hoá bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác - dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá; vận tải hành khách đường thủy nội địa; vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Hoạt động chính của Công ty là: dịch vụ bốc xếp hàng hoá; kinh doanh kho bãi; vận tải và dịch vụ vận tải; đại lý vận tải, đại lý hàng hải.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 hàng năm.

### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

##### ***Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)***

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong số dự hàng tồn kho đến ngày 30/06/2017 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm khấu hao)	Năm 2017 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 13	03 - 13
Máy móc, thiết bị	03 - 10	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 10	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05	03 - 05

Trong năm 2017, Công ty tăng thời gian khấu hao của một số tài sản thuộc nhóm máy móc thiết bị và nhóm phương tiện vận tải so với năm 2016 dẫn đến chi phí khấu hao sáu tháng đầu năm 2017 giảm so với mức khấu hao trước đây là 1.755.395.934 VND.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 3 năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	152.885.135	160.521.420
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	738.216.280	1.776.525.197
Các khoản tương đương tiền (*)	13.000.000.000	136.855.200.000
<b>Cộng</b>	<b>13.891.101.415</b>	<b>138.792.246.617</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>227.500.000.000</b>	<b>227.500.000.000</b>	<b>96.750.000.000</b>	<b>96.750.000.000</b>
<i>a1) Ngắn hạn</i>	<i>227.500.000.000</i>	<i>227.500.000.000</i>	<i>96.750.000.000</i>	<i>96.750.000.000</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn	227.500.000.000	227.500.000.000	96.750.000.000	96.750.000.000
<i>a2) Dài hạn</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>227.500.000.000</b>	<b>227.500.000.000</b>	<b>96.750.000.000</b>	<b>96.750.000.000</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>a) Doanh nghiệp niêm yết</b>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (1)	5.500.000.000	-	77.000.000.000	5.500.000.000	-	79.200.000.000
<b>b) Doanh nghiệp chưa niêm yết</b>						
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng (2)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao (3)	22.084.573.920	-	22.084.573.920	22.084.573.920	-	22.084.573.920
<b>Cộng</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>-</b>	<b>102.084.573.920</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>-</b>	<b>104.284.573.920</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(1) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ với giá trị 5.500.000.000 đồng tương đương với 1.100.000 cổ phần, chiếm 2,75% vốn Điều lệ. Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ hiện nay đang niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu DVP.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào DVP được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với số lượng cổ phiếu sở hữu (Tại ngày 30/06/2017 là 70.000 đồng/cổ phiếu, tại ngày 31/12/2016: 72.000 đồng/cổ phiếu).

(2) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng Hải Hải Phòng với giá trị 3.000.000.000 đồng tương đương với 300.000 cổ phần, chiếm 2,5% vốn điều lệ.

(3) Phản ánh khoản góp vốn theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp HĐCNVG06/2010/MHC/DXP ngày 24/12/2010. Theo đó, giá trị phần vốn sở hữu là 450.000 USD, tương đương với 15% vốn điều lệ.

Đối với các khoản đầu tư số (2) và số (3), do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư nên giá trị hợp lý được trình bày bằng giá gốc trừ giá trị dự phòng. Bên cạnh đó, Công ty không thể xác định được giá trị thị trường của các chứng khoán này, theo đó Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>11.222.734.752</b>	<b>11.291.297.539</b>
Công ty VTB Container Vinalines	4.255.088.637	3.379.380.562
Công ty TNHH Đại lý & Môi giới vận tải biển quốc tế	1.443.097.161	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	-	1.868.452.025
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	350.976.879	1.520.888.240
Đối tượng khác	5.173.572.075	4.522.576.712
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>11.222.734.752</b>	<b>11.291.297.539</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>9.160.963.970</b>	<b>3.041.279.093</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	5.458.192.112	2.706.844.553
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.750.000.000	-
Tạm ứng của nhân viên	529.319.927	138.250.160
Phải thu khác	423.451.931	196.184.380
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>9.160.963.970</b>	<b>3.041.279.093</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Thông tin về các khoản phải thu thương mại quá hạn</i>	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Kad Việt Nam	33.427.095	33.427.095	33.427.095	33.427.095
Công ty CP Vận tải biển GLS (*)	84.633.453	42.316.727	484.633.453	145.390.036
CN Công ty CP Vận tải biển GLS (*)	600.000.000	300.000.000	800.000.000	240.000.000
Công ty TNHH MTV vận tải Hải Nam	188.222.000	131.755.400	188.222.000	94.111.000
CTCP Dịch vụ Hàng Hải Hải Âu	190.869.030	57.260.709	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.097.151.578</b>	<b>564.759.931</b>	<b>1.506.282.548</b>	<b>512.928.131</b>

(\*) Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Công ty cổ phần Vận tải biển GLS và Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nêu trên.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.529.173.653	-	2.685.389.180	-
Công cụ, dụng cụ	875.467.462	-	904.567.462	-
<b>Cộng</b>	<b>3.404.641.115</b>	<b>-</b>	<b>3.589.956.642</b>	<b>-</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu kỳ	57.056.699.147	10.187.360.992	211.959.246.125	2.192.924.749	281.396.231.013
Mua trong kỳ	-	-	2.301.000.000	-	2.301.000.000
Thanh lý	-	-	(779.849.524)	-	(779.849.524)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>57.056.699.147</b>	<b>10.187.360.992</b>	<b>213.480.396.601</b>	<b>2.192.924.749</b>	<b>282.917.381.489</b>
<b>HAO MÔN LŨY KẾ</b>					
Số đầu kỳ	56.659.392.290	5.122.504.970	176.810.053.880	1.637.713.394	240.229.664.534
Khấu hao trong kỳ	28.056.678	544.536.726	3.820.421.398	134.871.972	4.527.886.774
Thanh lý	-	-	(779.849.524)	-	(779.849.524)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>56.687.448.968</b>	<b>5.667.041.696</b>	<b>179.850.625.754</b>	<b>1.772.585.366</b>	<b>243.977.701.784</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu kỳ	397.306.857	5.064.856.022	35.149.192.245	555.211.355	41.166.566.479
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>369.250.179</b>	<b>4.520.319.296</b>	<b>33.629.770.847</b>	<b>420.339.383</b>	<b>38.939.679.705</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 186.510.777.681 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 183.611.627.203 đồng).

Trong năm 2017, Công ty tăng thời gian khấu hao của một số tài sản thuộc nhóm máy móc thiết bị và nhóm phương tiện vận tải làm cho chi phí khấu hao trong kỳ giảm 1.755.395.934 VND so với mức khấu hao cũ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu kỳ	775.000.000	775.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	775.000.000	775.000.000
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu kỳ	610.208.132	610.208.132
Khấu hao trong kỳ	64.836.564	64.836.564
Số cuối kỳ	675.044.696	675.044.696
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số đầu kỳ	164.791.868	164.791.868
Số cuối kỳ	99.955.304	99.955.304

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 102.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2017 là 102.000.000 đồng).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản ngắn hạn</b>	<b>3.262.802.544</b>	<b>3.262.802.544</b>	<b>4.208.859.997</b>	<b>4.208.859.997</b>
Công ty TNHH Xếp dỡ An Hải	1.100.223.694	1.100.223.694	-	-
Công ty CP TM XD và xây lắp điện Hải Phòng	359.189.600	359.189.600	559.189.600	559.189.600
Công ty TNHH Xăng dầu Tratimex	354.926.940	354.926.940	351.540.060	351.540.060
Phải trả nhà cung cấp khác	1.448.462.310	1.448.462.310	3.298.130.337	3.298.130.337
<b>b) Các khoản dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.262.802.544</b>	<b>3.262.802.544</b>	<b>4.208.859.997</b>	<b>4.208.859.997</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Thuế phải thu</b>	-	-	2.000.000	2.000.000
Các loại thuế khác	-	-	2.000.000	2.000.000
<b>b) Thuế phải nộp</b>	<b>4.338.194.654</b>	<b>6.008.500.326</b>	<b>8.304.767.094</b>	<b>2.041.927.886</b>
Thuế giá trị gia tăng	132.721.222	1.940.178.523	1.614.324.011	458.575.734
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.465.111.134	2.233.380.237	3.130.111.135	1.568.380.236
Thuế thu nhập cá nhân	8.120.133	151.678.059	144.826.276	14.971.916
Tiền thuế đất	1.581.279.000	1.581.279.000	3.162.558.000	-
Các loại thuế khác	150.963.165	101.984.507	252.947.672	-
<b>Cộng</b>	<b>4.338.194.654</b>	<b>6.008.500.326</b>	<b>8.304.767.094</b>	<b>2.041.927.886</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 236.246.560.000 đồng. Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 01/03/2017 (thời điểm gần ngày phát hành báo cáo nhất do Trung tâm lưu ý chứng khoán cung cấp) như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên cá nhân/tổ chức</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Giá trị vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ</b>
		Cổ phiếu	VND	%
1	Ông Hoàng Văn Quang	5.700.000	57.000.000.000	24,13%
2	Công ty Cổ phần Tratimex P&L	5.700.000	57.000.000.000	24,13%
3	PYN Elite Fund (Non-Ucits)	2.279.850	22.798.500.000	9,65%
4	Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	1.945.500	19.455.000.000	8,24%
5	America LLC	1.650.970	16.509.700.000	6,99%
6	Cổ đông khác	6.348.336	63.483.360.000	26,87%
	<b>Cộng</b>	<b>23.624.656</b>	<b>236.246.560.000</b>	<b>100,00%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****b) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm trước	78.749.720.000	1.352.660.454	113.734.763.396	80.754.724.513	274.591.868.363	VND
Trích lập các quỹ	-	-	28.015.664.864	(31.215.664.864)	(3.200.000.000)	
Chia cổ tức	39.373.560.000	-	-	(39.373.560.000)	-	
Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn vốn và các quỹ	118.123.280.000	-	(118.123.280.000)	-	-	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	39.459.092.633	39.459.092.633	
Giảm khác	-	-	-	(9.162.670)	(9.162.670)	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>236.246.560.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>23.627.148.260</b>	<b>49.615.429.612</b>	<b>310.841.798.326</b>	
Trích lập các quỹ (*)	-	-	14.334.436.633	(15.834.436.633)	(1.500.000.000)	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	11.756.294.442	11.756.294.442	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>236.246.560.000</b>	<b>1.352.660.454</b>	<b>37.961.584.893</b>	<b>45.537.287.421</b>	<b>321.098.092.768</b>	

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 12/NQ-ĐHCD ngày 02/04/2017, Đại hội thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2016 như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển 14.334.436.633 đồng; trích quỹ khen thưởng 1.000.000.000 đồng, trích quỹ phúc lợi 500.000.000 đồng; chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10%.

Theo thông báo số 69/DXP-CBTT ngày 20/06/2017, ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 là ngày 10 tháng 07 năm 2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**c) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.624.656	23.624.656
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.624.656	23.624.656
- Cổ phiếu phổ thông	23.624.656	23.624.656
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.624.656	23.624.656
- Cổ phiếu phổ thông	23.624.656	23.624.656
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a. Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	3.320,15	3.320,15
b. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.635.875	2.635.875

**17. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi, vận tải, bốc xếp hàng hoá tại Thành phố Hải Phòng.

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	37.116.371.395	68.518.140.275
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</b>	<b>37.116.371.395</b>	<b>68.518.140.275</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	26.400.911.178	43.882.702.320
<b>Cộng</b>	<b>26.400.911.178</b>	<b>43.882.702.320</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	3.138.955.690	6.060.280.292
Chi phí nhân công	9.045.071.545	16.583.099.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.592.723.338	7.338.341.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.084.422.080	17.554.953.918
Chi phí khác	4.623.865.933	3.869.226.471
<b>Cộng</b>	<b>33.485.038.586</b>	<b>51.405.901.853</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	7.056.835.150	5.765.736.540
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	3.125.000.000	7.114.639.588
Lãi chênh lệch tỷ giá	139.590	-
<b>Cộng</b>	<b>10.181.974.740</b>	<b>12.880.376.128</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty ghi nhận khoản cổ tức đợt 2 năm 2016 từ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ là 25%, tương đương với 2.750.000.000 đồng theo thông báo số 704/TB-SGDHCM ngày 09/06/2017; lợi nhuận năm 2016 từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao là 375.000.000 đồng.

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.304.992.950	3.040.544.917
Chi phí vật liệu quản lý	109.530.821	154.482.756
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.844.912	94.794.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	594.182.688	139.588.728
Thuế, phí và lệ phí	1.682.157.000	1.682.049.000
Chi phí dự phòng	51.831.800	28.628.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.853.681	541.499.090
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.925.733.556	1.841.612.496
<b>Cộng</b>	<b>7.084.127.408</b>	<b>7.523.199.533</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	13.989.674.679	29.979.876.286
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.822.773.493)	(7.104.489.031)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.125.000.000)	(7.114.639.588)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	302.226.507	10.150.557
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.166.901.186</b>	<b>22.875.387.255</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.233.380.237</b>	<b>4.575.077.451</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 (*) (Trình bày hồi tố)
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.756.294.442	25.404.798.835
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.624.656	23.624.656
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>498</b>	<b>1.075</b>

{\*} Theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 đã được soát xét, lãi cơ bản trên cổ phiếu là 3.226 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, do Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn và các quỹ dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của kỳ trước như trên.

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(13.891.101.415)	(138.792.246.617)
Nợ thuần		
Vốn chủ sở hữu	321.098.092.768	310.841.798.326
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.891.101.415	138.792.246.617
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.818.938.791	13.819.648.501
Đầu tư tài chính ngắn hạn	227.500.000.000	96.750.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	30.584.573.920	30.584.573.920
<b>Tổng cộng</b>	<b>291.794.614.126</b>	<b>279.946.469.038</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.666.392.570	4.896.567.187
Chi phí phải trả	4.709.206.724	81.172.086
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.375.599.294</b>	<b>4.977.739.273</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) tuy nhiên các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về số lượng tàu, số lượng hàng và chủng loại hàng hóa thông qua cảng. Công ty đã đề ra các giải pháp thích hợp để ứng phó khi xảy ra những biến động này.

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá dịch vụ. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện ít các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

#### *Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

#### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối kỳ	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.891.101.415	-	13.891.101.415
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.818.938.791	-	19.818.938.791
Đầu tư tài chính ngắn hạn	227.500.000.000	-	227.500.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	30.584.573.920	30.584.573.920
<b>Cộng</b>	<b>261.210.040.206</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>291.794.614.126</b>
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.666.392.570	-	3.666.392.570
Chi phí phải trả	4.709.206.724	-	4.709.206.724
<b>Cộng</b>	<b>8.375.599.294</b>	<b>-</b>	<b>8.375.599.294</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>252.834.440.912</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>283.419.014.832</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số đầu kỳ	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.792.246.617	-	138.792.246.617
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.819.648.501	-	13.819.648.501
Đầu tư tài chính ngắn hạn	96.750.000.000	-	96.750.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	30.584.573.920	30.584.573.920
<b>Cộng</b>	<b>249.361.895.118</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>279.946.469.038</b>
Số đầu kỳ			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.896.567.187	-	4.896.567.187
Chi phí phải trả	81.172.086	-	81.172.086
<b>Cộng</b>	<b>4.977.739.273</b>	<b>-</b>	<b>4.977.739.273</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>244.384.155.845</b>	<b>30.584.573.920</b>	<b>274.968.729.765</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 375.000.000 đồng, là số tiền cổ tức nhận được từ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Hàng công nghệ cao thông qua hình thức bù trừ với công nợ phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng/giảm các khoản phải trả.

**27. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2017</b> <b>đến ngày 30/06/2017</b>
	<u>VND</u>
Lương, thưởng, các khoản phúc lợi khác	508.797.368

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Như trình bày tại thuyết minh số 14, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Đại hội đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10%.

Theo thông báo số 69/DXP-CBTT ngày 20/06/2017, ngày đăng ký cuối cùng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 là ngày 10 tháng 07 năm 2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 đã được soát xét của Công ty.



\_\_\_\_\_  
**Trần Việt Hùng**  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2017

\_\_\_\_\_  
**Mai Thị Yên Thế**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Thị Hương**  
Người lập